

Bản án số : 1276/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 13/12/2017
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Đức

Các Hội Thẩm Nhân Dân:

1. Bà Phan Thị Thuý Ngọc

2. Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa : Ông Hoàng Chí T, Thư ký Tòa án nhận dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 339/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày tháng năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Ngọc T, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Đường T, Phường M, quận T, TP. HCM.
2. Bị đơn: Ông Trần Công B, sinh năm 1962. (vắng mặt)
Địa chỉ: Đường T, Phường M, quận T, TP. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Cao Ngọc T đối với ông Trần Công B được Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và bà T bổ sung tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà T trình bày:

Bà với ông B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyển số 01/1988 do UBND Phường M Quận M, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/1988.

Ông bà sống với nhau được hai chục năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông B không quan tâm lo lắng cho gia đình. Vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã, mâu thuẫn nhiều trong lối sống sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm sống . Bà và ông B có sống ly thân với nhau đã 1 năm từ đó tới nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm tới nhau nữa; bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng không đạt được như mong muốn. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên bà xin ly hôn ông B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 2 con chung Trần Cao Thiện M, sinh ngày 07/11/1989 và Trần Cao Xuân T, sinh ngày 02/02/1999. Hai con đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà T khai không có.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Đối với ông Trần Công B:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho ông Trần Công B biết về yêu cầu khởi kiện của bà Cao Ngọc T nhưng ông B không có ý kiến phản hồi và Tòa án tiếp tục tiến hành triệu tập hợp lệ ông B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để ông B đến Tòa án trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng ông B vẫn vắng mặt hai lần không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiếp tục tiến hành triệu tập hợp lệ ông B tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông B vắng mặt lần thứ hai không lý do; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và dành quyền kháng cáo cho ông Trần Công B theo quy định của luật pháp.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn:

- Giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông B, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và xác định không có tài sản chung; nợ chung không có.

Bị đơn:

Đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không rõ ý kiến và yêu cầu. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyển số 01/1988 do UBND Phường M Quận M, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/1988 thì quan hệ giữa bà T với ông B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, xét đơn xin ly hôn của bà T là phù hợp với khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T theo điểm a, điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Bà Cao Ngọc T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án xin ly hôn với ông Trần Công B, nên bà T tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn là hợp lệ.

- Bị đơn: Ông Trần Công B là người bà T xin ly hôn, nên ông B tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là hợp lệ.

[3]. Nội dung tranh chấp:

Bà T xin ly hôn; ông B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng thường xuyên vắng mặt không lý do. Đây là nội dung cần xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên đơn, bà T trình bày: Ông bà sống với nhau được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông B không quan tâm lo lắng cho gia đình. Vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã, mâu thuẫn nhiều trong lối sống sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm sống . Bà và ông B có sống ly thân với nhau đã 1 năm từ đó tới nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm tới nhau nữa; bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng không đạt được như mong muốn. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn ông B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 2 con chung Trần Cao Thiện M, sinh ngày 07/11/1989 và Trần Cao Xuân T, sinh ngày 02/02/1999. Hai con đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà T khai không có.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

- Bị đơn ông Trần Công B: Tòa án tổng đạt niêm yết biên bản hoãn phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ lần ông B tham gia phiên tòa xét xử vụ án thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không rõ ý kiến và yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Những mâu thuẫn vợ chồng, những lý do bà T đưa ra để xin ly hôn đều do bà nài ra để mong đạt được mục đích ly hôn; hoặc việc bà T cho rằng ông bình sống thiếu trách nhiệm với vợ chồng và con cái, vợ chồng thường hay xích mích cãi vã ; việc bà cho rằng ông, bà không quan tâm đến tình cảm vợ chồng; bà tự ý ly thân với ông B cả năm nay, từ đó đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, sinh hoạt riêng. Cho dù tất cả những lý do, mâu thuẫn vợ chồng do bà T đưa ra là không có thật; tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy; tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không thể xây dựng, vun đắp chỉ từ một bên mà phải từ sự đồng cảm, đồng lòng, từ sự chung thủy, hy sinh bản thân cùng sự ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc của cả hai người. Nay bà T xin ly hôn, ông B đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập họp lệ ông đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc bà T xin ly hôn với ông; Tòa án triệu tập ông hai lần đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng; Tòa án tiếp tục niêm yết tổng đạt họp lệ giấy triệu tập ông B tham gia phiên tòa xét xử vụ án hai lần. Tất cả những lần triệu tập ông B mà Tòa án đã liệt kê bên trên nhằm mục đích để ông trình bày ý kiến và nguyện vọng, để tạo điều kiện cho ông có cơ hội hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng những lần triệu tập đó ông B đều vắng mặt không lý do, điều này Hội đồng xét xử có thể hiểu rằng ông B không còn có ý mong muốn có cuộc sống hạnh phúc gia đình, không còn thiết tha cuộc sống hôn nhân vợ chồng với bà T, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy nếu bác đơn xin ly hôn của bà T thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người mà vô tình kéo dài cuộc sống hôn nhân không tự

nguyên của bà T với ông B, dẫn đến những thiệt thòi trong cuộc sống của mỗi người; vô tình làm ảnh hưởng đến tâm lý của con cái và có thể dẫn đến nhiều hệ lụy khác cho cuộc sống hôn nhân không tự nguyện, không hạnh phúc của hai người. Vì vậy Hội đồng xét xử thiết nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T ly hôn với ông B là giải pháp thỏa đáng.

Về con chung: Có 2 con chung Trần Cao Thiện M, sinh ngày 07/11/1989 và Trần Cao Xuân T, sinh ngày 02/02/1999. Hai con đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tại khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; và căn cứ mục 1 phần I, Danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; và căn cứ phần A. Danh mục án phí, mục 1 Án phí dân sự sơ thẩm và căn cứ tiểu mục 1.1;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

TUYÊN XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Ngọc T đối với ông Trần Công B; bà T được ly hôn với ông B. (bà T ông B đăng ký kết hôn số 206, quyền số 01/1988 do UBND Phường M, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/1988.)

2. Về con chung : Có 2 con chung Trần Cao Thiện M, sinh ngày 07/11/1989 và Trần Cao Xuân T, sinh ngày 02/02/1999. Hai con đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Cao ngọc T phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) là tạm ứng án phí do bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012487 ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí, bà T nộp đủ án phí.

Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự

vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị bản án theo điều 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q TB. ;
- THA DS Q. TB
- UBND phường M, Quận M, Tp. HCM ;
- Các đương sự ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

VÕ VĂN ĐỨC